

**CÔNG TY TNHH HOMIE ENGLISH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOMIE ENGLISH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOMIE ENGLISH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOMIE ENGLISH CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109045922

**3. Ngày thành lập:** 03/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

139 Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn<br>(Trừ các loại hình nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1820     |
| 4.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5912     |
| 5.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Sản xuất các phim điện ảnh, phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình.                                                                                                                            | 5911     |
| 6.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí,                                                                                                          | 6399     |
| 7.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                                                 | 6619     |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản theo quy định tại Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản 2014;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản) điều 74 luật kinh doanh Bất động sản 2014; | 6820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế kết cấu công trình;<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước;<br>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>(Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;<br>(Điều 154 Luật xây dựng số 50/QH/2014; (Điều 61 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>(Điều 47 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)<br>- Tư vấn Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng<br>(Điều 155 Luật xây dựng số 50/QH/2014; (Điều 66 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;<br>(Điều 151 Luật xây dựng số 50/QH/2014, Điều 62 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>- Tư vấn Quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>(Điều 133 Luật xây dựng số 50/QH/2014; (Điều 67 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)<br>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình<br>(Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>- Khảo sát xây dựng<br>(Điều 59 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>Hoạt động đo đạc bản đồ<br>(Nghị định 45/2015 Nghị định về đo đạc và bản đồ) | 7110 |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7120 |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7212 |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6311 |
| 14. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320 |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(Không bao gồm hoạt động thiết kế công trình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình;<br>-Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);<br>-Hoạt động phiên dịch         | 7490        |
| 18. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                            | 6312        |
| 19. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Chụp ảnh nghệ thuật, ảnh thẻ<br>(Trừ hoạt động phóng viên nhiếp ảnh)                                                                                                                                                                                | 7420        |
| 20. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(Không bao gồm hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm)                                                                                                                                 | 7810        |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động hợp báo)                                                                                                                                                                                                                 | 8230        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh(Điều 28 - Luật thương mại năm 2005)<br>-Hoạt động thương mại điện tử<br>(Nghị định 25/2013/NĐ-CP)                                            | 8299        |
| 23. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8511        |
| 24. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8512        |
| 25. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8521        |
| 26. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                             | 8522        |
| 27. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                         | 8523        |
| 28. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                          | 8552        |
| 29. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo công nghệ thông tin;<br>- Đào tạo trong lĩnh vực điện tử, viễn thông. | 8559(Chính) |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn du học<br>(Điều 106 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:  
Số giấy chứng thực cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:  
Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ HỮU ĐỨC Giới tính: Nam  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 10/01/1993 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 145509470  
Ngày cấp: 26/04/2008 Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Yên Lịch, Xã Dân Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số 139 Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội